TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28/11/2018
"V/v tranh chấp xin ly hôn,
nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chọn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thu Trang

2. Bà Dương Ngọc Bích

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp "Xin ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Anh **Lương Văn T**, sinh năm 1981

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã N Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Chị B có mặt, anh T vắng mặt lần hai tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Nguyễn Thị B trình bày như sau:

Chị Nguyễn Thị B và anh Lương Văn T chung sống với nhau năm 2003, vợ chồng

không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do Tuấn thường xuyên đi nhậu với bạn về vợ chồng cự cải và nhiều lần anh Tđánh đập chị gây thương tích và cũng do khó khăn về kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cự cải bất hòa, hôn nhân không hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2017 cho đến nay. Nay Chị B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Lương Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Lương Chí V, sinh ngày 20/8/2003 và Lương Thùy M, sinh ngày 13/02/2009, hiện đang sống với chị B. Khi ly hôn chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị, do chị có đủ điều kiện và khả năng nuôi.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết. Ngoài ra chị B không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn anh Lương Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (02 lần), nhưng anh Tkhông hợp tác và cũng không trình bày ý kiến của mình nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Ý kiến của các cháu Lương Chí V và Lương Thùy M*:* Trường hợp cha mẹ các cháu ly hôn, cháu xin được sống chung với mẹ là Nguyễn Thị B, do từ khi cha mẹ các cháu ly thân các cháu sống với mẹ Nguyễn Thị B, hiện tại cuộc sống của các cháu đã ổn định.

Tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án gồm: Đơn khởi kiện xin ly hôn; giấy chứng kết hôn; giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu; giấy khai sinh; đơn xác nhận tình trạng cư trú của đương sự; tờ thể hiện nguyện vọng; biên bản ghi lời khai của đương sự; biên bản xác minh ngày 22/10/2018.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Theo biên bản xác minh ngày 22/10/2018 làm việc với đại diện Ban lãnh đạo ấp 2 Biển đã xác định: Chị B và anh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, tuy nhiên cuộc sống vợ chồng của chị B và anh T không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh T thường xuyên đi nhậu, không lo làm ăn dẫn đến kinh tế gia

đình khó khăn, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn; Chị B và anh T có 02 người con tên Lương Chí V và Lương Thùy M, hiện đang sống với chị B.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị B giữ nguyên yêu cầu, ý kiến như đã trình bày trên. Anh T vắng mặt nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và các bên đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần 2 không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

- Về nội dung: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của chị Nguyễn Thị B đối với anh Lương Văn T là có căn cứ chấp nhận, đồng thời phù hợp với theo nguyện vọng của các cháu Lương Chí V và Lương Thùy M theo quy định tại các Điều 51, 56 và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị B xin ly hôn với anh T, các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi vụ án được thụ lý, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự, thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (02 lần), quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Tvẫn vắng mặt nhiều lần không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Ttheo thủ tục chung.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh T cưới nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 84/2004 ngày 02/4/2004 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Chị B xin được ly hôn với anh

T, do anh T không lo làm ăn mà thường xuyên đi nhậu, về đánh chị B gây thương tích, cũng do khó khăn về kinh tế, vợ chồng thường xuyên cự cải bất hòa, hôn nhân không hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2017 cho đến nay. Còn anh T thì trong suốt quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và thông báo hòa giải hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, trở về đoàn tụ nhưng anh T không hợp tác và cũng không trình bày ý kiến gì gửi đến Tòa án đối với yêu cầu xin ly hôn của chị B;

Tuy nhiên, qua xác minh chính quyền địa phương nơi anh chị sinh sống, đã xác định vợ chồng chị B và anh T quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, do anh Tthường xuyên đi nhậu và anh chị có người con chung hiện đang sống với chị B (Bút lục 29).

Tại phiên tòa hôm nay, chị B cương quyết xin ly hôn với anh T, còn anh T không ý kiến gì đối với yêu cầu của chị B và cũng không có mặt tại tòa tham gia hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị B và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ chấp nhận theo quy định tại các Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bích.

- Về con chung và cấp dưỡng: Chị B và anh T có 02 người con chung tên Lương Chí V, sinh ngày 20/8/2003 và Lương Thùy M, sinh ngày 13/02/2009. Chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 người con chung, không yêu cầu anh Tcấp dưỡng nuôi con chung vì chị B xác định chị hoàn toàn có đủ điều kiện để nuôi các con chung.

Theo nguyện vọng của các cháu Lương Chí V và Lương Thùy M khi chị B và anh T ly hôn thì yêu cầu được sống với chị Bích;

Xét yêu cầu của chị B và nguyện vọng của các con anh chị là phù hợp với điều kiện sinh sống hiện tại của các cháu, không trái đạo đức, không trái quy định pháp luật. Vì vậy, để đảm bảo cho các cháu có đầy đủ quyền lợi về mọi mặt và ổn định cuộc sống, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến nguyện vọng của các cháu và chị B;

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai đươc ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lương Văn T không ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị B nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Do Chị Blà nguyên đơn nên chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận theo quy định các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 như đã nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị B đối với bị đơn anh Lương Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Lương Văn T.

2. Về con chung:

Giao các cháu Lương Chí V, sinh ngày 20/8/2003 và Lương Thùy M, sinh ngày 13/02/2009 cho chị B tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục theo nguyện vọng của cháu Lương Chí V và Lương Thùy M.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị B không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

Chị B xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị B có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0005666 ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Chọn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- VKSND huyện An Biên;
- Các đương sự;
- UBND xã N Y, huyện A;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.